

VỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CỦA NHO SĨ DUY TÂN VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

TRẦN THỊ HẠNH^(*)

Đầu thế kỷ XX, những nho sĩ Việt Nam đã trưởng thành trong thời đoạn này như Nguyễn Thượng Hiền, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Đặng Kinh Luân, Dương Bá Trạc, Lê Đại, Võ Hoàn, Phan Đình Đối, Phan Huy Thịnh, Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Tăng Bí, Đặng Nguyên Cẩn, Đặng Thái Thân, Nguyễn Hàm... là những trí thức đã thoát khỏi khoa cử hoặc thi đỗ nhưng đã tự thoát khỏi hệ thống quan liêu phong kiến để bảo tồn vị trí và vai trò của kẻ sĩ trong xã hội. Họ tiến hành công cuộc duy tân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam, coi đó như những bước khởi đầu cần thiết để có một Việt Nam độc lập, giàu mạnh.

Quan điểm chung, thống nhất của nho sĩ đầu thế kỷ XX cho rằng, một trong những nguyên nhân khiến nước mất, nhà tan là do đánh mất nền đạo đức, luân lý. Do vậy, sửa đổi luân lý, bồi đắp đạo đức cũng là một việc phải cố sức làm nhằm tìm lại nền độc lập cho dân tộc.

Nho sĩ khẳng định, sức mạnh của mỗi dân tộc trên toàn cầu không chỉ thuần là sức mạnh vật chất, khoa học kỹ thuật và chính trị lập hiến mà còn nhờ đạo đức. Đạo đức được coi như vũ khí đấu tranh hữu hiệu của dân tộc

nhược tiểu khi bị dân tộc khác giàu mạnh hơn đè nén. Đạo đức cũng trở thành động lực để các dân tộc vươn lên văn minh, hiện đại. Đặc biệt, trong xã hội dân chủ, đạo đức không những không bị lu mờ mà ngược lại còn thể hiện vai trò rõ nhất.

Có lẽ, theo chúng tôi, thời đại ngày nay khi thế giới đang xảy ra những va chạm, xung đột chính trị, văn hóa, nhận định như vậy về vai trò của đạo đức không phải là nhận định mang tính thủ cựu của Nho giáo mà rất có ý nghĩa hiện thời.

Nho sĩ đưa ra quan niệm mới về đạo đức, dựa trên cơ sở giá trị tốt đẹp của luân lý, đạo đức truyền thống đồng thời kết hợp các yếu tố ngoại sinh tích cực. Về cơ bản họ vẫn sử dụng các khái niệm, phạm trù đạo đức phương Đông. Họ cho rằng đối với phẩm chất cá nhân thì các phạm trù Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín vẫn đáng quý và đạo đức là cái không thay đổi như luân lý.

“Đạo đức gồm cả luân lý và luân lý chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi. Đã gọi là người thì phải có nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, cần, kiệm (...) Người có

^(*) TS., Phó Trưởng khoa Khoa Triết học, trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

đạo đức tức là người đã ở trong đạo làm người vậy. Đạo đức đã như thế thì không có mới hay cũ, có đông có tây nào nữa, nghĩa là nhất thiết đời nào, người nào cũng phải giữ đạo đức ấy mới là người trọn vẹn. Dầu nhà bác học xướng ra học thuyết nào khác nữa, dầu các chính thể khác nhau hoặc dân chủ, hoặc quân chủ, hoặc cộng sản nữa, cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lý của đạo đức, nghĩa là đạo đức thì không bao giờ thay đổi được. Luân lý thì không thế. Luân lý có thể thay đổi được luôn. Luân lý tùy mỗi thời mà khác, tùy mỗi nơi mà khác” (Phan Chu Trinh, 1995, tr.763).

Họ quan niệm đạo đức là tính chất của một dân tộc đã trải qua nhiều năm tồn tại được kết tinh lại như ngọc mài không mòn. Ở xã hội hiện thời, đạo đức cũ đã mất do lớp người cũ thì thủ cựu, lớp người mới thì lai căng, coi thường truyền thống, đạo đức mới chưa hình thành.

Phan Chu Trinh đã sử dụng biện pháp so sánh khi bàn về luân lý và đạo đức. Ông bàn về luân lý gia đình, luân lý quốc gia, luân lý xã hội ở phương Tây, từ đó nhận định về luân lý của Việt Nam. Theo ông, luân lý của Tây Âu tiến từ luân lý gia đình lên luân lý quốc gia, rồi bỏ luân lý quốc gia mà bước lên xã hội luân lý, lý tưởng là tiến đến luân lý cả thế giới. Còn nền luân lý của nước ta, ngày nay đổ nát như thế là do các vua chuyên chế làm sai đạo Khổng Mạnh. Nền luân lý quốc gia, luân lý xã hội thì tuyệt nhiên không có. Ông nhận xét: “Phong tục ta còn giữ lại được là chỉ còn có gia đình luân lý mà thôi, còn ra từ triều đình cho chí hương thôn, là bởi mình đi lằm lặc hết cả” (Phan Chu Trinh, 1995, tr.711).

Trên thực tế xã hội bấy giờ, cả năm quan hệ trong ngũ luân đều đang bị suy

vi, trong tình trạng vua tôi thì *lạt như nước lã, đục như vôi*, cha con thì *làm cho mất cả tấm lòng son*, anh em *trất tréo thây to nước lạnh tanh*, vợ chồng thì *tiền tài ngày nặng, ân tình bạc*, bạn bè thì *thương ôi luân ấy mất đã lâu*. Khi chính thể quân chủ phong kiến không còn nữa, thay vào đó là chính thể dân chủ, quan hệ giữa con người trong xã hội cũng thay đổi nhưng nếu có như vậy thì trong ngũ luân chỉ có quan hệ vua - tôi là không còn, các quan hệ cha - con, anh - em, vợ - chồng, bạn - bè vẫn tiếp tục cần được giữ đạo, phát huy. Nho sĩ kiên trì gìn giữ chuẩn mực của những mối quan hệ đó.

Họ biết rằng muốn khôi phục lại nền đạo đức của một đất nước không còn chủ quyền, độc lập như nước Việt Nam không phải là một việc dễ nhưng không thể không làm ngay. Họ đặt ra phương thức để suy nghĩ và hành động nhằm chấn hưng nền đạo đức, sửa đổi luân lý nước nhà. Đó là, giữ một ít đạo đức của truyền thống, thu nạp một ít đạo đức của Âu châu đem điều hòa lại rồi khuyếch trương, nghĩa là khiến dân Việt Nam ai cũng biết nghĩa vụ đối với nước Việt Nam. Từ đó nước Việt Nam giàu mạnh, sẽ được các dân tộc khác kính nể.

Nho sĩ về cơ bản thống nhất phương châm kết hợp, hòa hợp Đông - Tây, Cổ - Kim trong xây dựng luân lý, đạo đức mới, “đem cái văn minh Âu Tây hòa hợp với các chân Nho giáo ở Á Đông chứ không phải là tự do độc lập ở đầu lưỡi của mấy anh tây học lem nhem mà cũng không phải là quốc hồn quốc túy ngoài môi của các bác Hán học dở mùa đầu” (Phan Chu Trinh, 1995, tr.784).

Trong quá trình tiếp thu, biến đổi và xây dựng, phát triển luân lý, đạo đức, nguyên tắc không thay đổi là phải

chú ý chọn lọc những yếu tố có giá trị, phù hợp với luân lý và đạo đức Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng.

1. *Đổi mới nội dung các phạm trù đạo đức*

Phạm trù đạo đức được nho sĩ bàn nhiều là “trung” và “hiếu”. Họ thảo luận về con đường để có thể làm tròn cả trung và hiếu. Cái mới trong nội dung của “trung hiếu” chính là: mục đích cuối cùng của trung hiếu là phụng sự dân tộc, thực hiện trách nhiệm xã hội cao cả, phải thể hiện hy sinh vì quốc gia, dân tộc trong lúc dân tộc đang gặp nan nguy. Lương Văn Can đã khuyến tài:

“Áo cơm lộc nước đã bao lâu,

Một tấm lòng trung trả nghĩa sâu.

Mưa gió giữ gìn bền chí mãi,

Non sông gánh vác ghé vai vào”

(Chương Thâu, 1996, tập 21, tr.613).

“Trung” trở thành “đạo thương nước”, là tính tự nhiên trời phú cho người Việt Nam, quốc gia luân lý phải in sâu vào trí não mỗi người con dân nước Việt. Muốn cho nước Việt Nam được độc lập, tự do thì nhân dân Việt Nam phải xây dựng tính xã hội cho mình, phải có đoàn thể, có tính công lợi, biết giữ lợi chung.

“Hiếu” không chỉ với cha mẹ, gia tộc mình, mở rộng ra hiếu với tổ tiên, với dân tộc. Thực hiện đạo hiếu đồng nghĩa với tham gia giải phóng dân tộc, quyết chí bảo vệ nước, giành độc lập dân tộc.

Nho sĩ cố gắng làm mới nội dung của phạm trù “nhân”, vốn là một phạm trù đạo đức cơ bản của Nho giáo, giải thích phạm trù nhân thấu đáo. Cũng như bao nhà nho, Phan Bội Châu cho rằng *nhân* có sức mạnh vô song trong mọi lĩnh vực.

“Vô luận người nào, chốn nào, thì

nào, tất thấy dùng một chữ “nhân” mà ứng phó được cả” (Phan Bội Châu, 1990, tập 9, tr.41).

“Ngoài chữ ‘nhân’ ra không ai có đạo lý gì khác. Tức như đại từ, đại bi, chúng sinh bình đẳng của Phật Thích Ca, nghĩa yêu người như mình, xem thù như bạn của đức chúa Dê Du cũng chỉ là ý nghĩa chữ Nhân mà thôi” (Phan Bội Châu, 1990, tập 9, tr.41).

Trên tinh thần duy tân nhưng vẫn không tránh khỏi quan điểm “nhất thống nho gia”, nho sĩ vẫn giải thích các phạm trù đạo đức của các học thuyết, tôn giáo khác xoay quanh phạm trù “nhân” của Nho giáo. Tuy nhiên, tiêu chí tối cao của “nhân” trong thời đại mới là yêu nước, là làm cho nước giàu mạnh. Muốn như vậy thì trước hết phải có lòng bác ái. Bác ái sẽ dẫn tới giải phóng con người. “Nhân nghĩa là chí công vô tư, mà lại kiêm cả bác ái” (Phan Bội Châu, 1990, tập 7, tr.75).

Nho sĩ thấu hiểu đạo “nghĩa”. Nghĩa là những gì hợp với đạo lý con người phải làm. Đạo lý thời nay, theo các ông là phấn đấu cho lý tưởng tự do - độc lập, thực hiện nghĩa vụ giải phóng dân tộc, đất nước có chủ quyền thì dân mới có quyền lợi. Nghĩa và lợi trong đấu tranh giải phóng dân tộc là không tách rời.

Trong các mối quan hệ cụ thể giữa con người, các ông vẫn nỗ lực sáng tác các “gia huấn” để thể hiện tư tưởng của mình về các chuẩn mực và ứng xử đạo đức. Đạo làm cha, làm mẹ, làm con dù ở thời thế nào cũng không thay đổi vì đây là những đạo ứng xử cốt yếu nhất của con người. Cha mẹ đối với con cái luôn là mực thước *méo tròn làm mẫu bởi mình ta*, nên luôn phải giữ nếp nhà cho sạch. Con cái là kết quả sự dạy bảo từ cha mẹ, nên cha mẹ phải nhớ *khôn đại*

đục trong mình chuốc cả, dạy con xin dạy thừa trong thai. Luân lý trong gia đình mà trong sáng thì mới có thể chấn hưng luân lý cho cả xã hội. Tư tưởng luân lý của nho sĩ duy tân còn chịu nhiều ảnh hưởng của nền luân lý Nho gia nhưng không phải là những tư tưởng giáo điều, cứng nhắc mà là những suy nghĩ sâu sắc, những lời khuyên nhủ chân thành mang đậm tinh thần nhân văn, nhân đạo truyền thống của dân tộc.

Về vấn đề lý tưởng, lẽ sống: lý tưởng đạo đức của nho sĩ là lý tưởng tự do, tự do cho đất nước, cho dân tộc, cho đồng bào. Tự do là gắn với quyền con người, đạt được nhu cầu tối thiểu trong cuộc sống với bản chất lương thiện của mình, trong đó có cả nhu cầu vật chất và tinh thần.

Quan niệm đạo đức của nho sĩ đạt tới hoàn thiện khi họ xác định “lẽ sống”. Quan niệm về lẽ sống thể hiện rõ nét quá trình chuyển biến trong tư tưởng đạo đức, là kết quả của quá trình các ông tiếp biến tư tưởng Đông - Tây. Họ chấn hưng các đức tính tốt vốn có của người dân đất Việt như “bài thuốc 10 vị” của Phan Bội Châu “bốc” cho người Việt: chí khí tự cường, lòng thành thực, gan quả quyết, lòng công ích, thực nghiệp, bụng nhiệt thành, dải đồng tâm, trí thức mới, nội hóa, giống thân ái. Tóm gọn lại, lẽ sống của con người Việt mới là:

Thứ nhất, sống thức tỉnh: con người tỉnh táo để thấy được các nguyên nhân và thực trạng mất nước; có hiểu biết về các lĩnh vực của cuộc sống hiện đại; nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân mỗi người đối với vận mệnh Tổ quốc.

Thứ hai, sống có ý chí. Ý chí là ý chí dũng cảm, dám đứng lên đảm nhận sự nghiệp cứu nước. Muốn sống có ý chí, con người phải tự tin: tự tin vào bản

thân, tự tin vào tương lai dân tộc, tin vào chủ nghĩa đã được chọn. Tự tin mở rộng ra là “tự tín”, “tự nhiệm” theo tinh thần “hào kiệt tự nhiệm” - tự trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, dân tộc.

Thứ ba, sống phải tự tân. Tự tân là tự đổi mới. Con người có thức tỉnh, có tự tin, tự nhiệm thì tất sẽ tự tân. Tự tân trước hết là tự tân về tri thức, học hỏi tri thức khoa học thời đại, phê phán, sửa đổi những tri thức cũ đã lạc hậu để dẫn đưa dân tộc đến tự cường, văn minh.

Họ cho rằng, cốt lõi của tự tin, tự tân là phương pháp tư duy. Họ mạnh dạn đả kích trực tiếp vào lối tư duy cũ của Nho giáo “thuật nhi bất tác”, “hậu cổ hạc kim”, “trọng hư văn, khinh thực nghiệp”. Do vậy, họ yêu cầu con người mới, chủ yếu là thanh niên phải độc lập suy nghĩ, phát triển phẩm chất tư duy và bản lĩnh con người, như vậy mới có thể thoát khỏi sự lệ thuộc vào nước ngoài, mất nước, mất cốt cách dân tộc và nhân cách bản thân.

2. *Đổi mới tư tưởng về đạo đức của một số đối tượng trong xã hội*

Xuất phát từ quan điểm duy tân xã hội là trách nhiệm của mọi tầng lớp, nho sĩ đầu thế kỷ XX bàn đến luân lý đạo đức của các đối tượng trong xã hội, đến đạo đức trong nhiều lĩnh vực. Chúng tôi phân tích tư tưởng về đạo đức trong một vài đối tượng cụ thể, những đối tượng này hầu như không được bàn đến trong hệ thống tư tưởng đạo đức Nho giáo.

Đạo đức tôn giáo: một trong những điểm đặc sắc của nho sĩ đầu thế kỷ XX là họ đã vượt qua được thái độ kỳ thị để tìm được những giá trị về đạo đức nhân sinh trong các tôn giáo đang tồn tại trong xã hội Việt Nam bấy giờ.

Phan Bội Châu nhận định, giáo lý

của nhà Phật không có gì là cao siêu, là xa lạ mà nó được chính con người tạo ra nhằm phục vụ nhu cầu tôn giáo của mình: “Tôn chỉ nhà Phật rất sâu kín, không thể bàn được. Nói không mà có khi có; nói có mà có khi không. Bảo không mà không có cái không, bảo có mà lại không có cái có. Tùy các người muốn nói gì thì cứ theo cái miệng mà nói ra thôi. Tư tưởng tự do mới thật là lẽ nhà Phật” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr.78).

Theo ông, các tôn giáo được hình thành nhằm giải quyết vấn đề tự do của con người mà thôi. Nó là chỗ dựa để con người được tự do về tinh thần và là động lực để con người được tự do về thể xác. Nhưng trong mối quan hệ với Trời, Phật, Thánh thần, Phan Bội Châu nâng cao vai trò của con người, tin vào khả năng tự giải phóng của con người. Phan Bội Châu đã ca ngợi những giá trị của đạo Cơ Đốc. Đó là tình yêu thương, lòng bác ái, niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống tinh thần.

Đạo đức doanh nhân: như trên chúng tôi đã phân tích, tư tưởng “trọng nông ức thương” của Nho giáo có nguyên nhân từ cách nhìn nhận vị trí, vai trò hạ đẳng của thương nhân. Nho sĩ thế kỷ XX đã thay đổi tư duy về xã hội, tất yếu họ thay đổi tư tưởng về doanh nhân. Hơn nữa, theo họ, doanh nhân muốn khẳng định giá trị với xã hội thì họ phải ý thức được các chuẩn mực đạo đức của nghề nghiệp.

Lương Văn Can duy tân tư tưởng và hành động theo thời cuộc nhưng ông vẫn giữ khí tiết của nhà nho. Ông giữ quan điểm về con người đạo đức bất luận người đó làm nghề gì, trong thời đại nào. Ví như trong tác phẩm “*Kim cổ cách ngôn*”, Lương Văn Can bàn về “đạo làm giàu” của người Việt Nam,

đạo làm giàu mang đậm chất nhân văn, nhân đạo, khác biệt với cách làm giàu của tư bản và đế quốc. Như:

Của cải là sự sống còn của con người. Vì vậy khi dùng của cải phải xem nguồn gốc của nó có trong sáng không, có hợp nghĩa không. Nguồn của cải trong sáng thì chi tiêu phải có đạo.

Bí quyết thành công của nhà kinh doanh là sự trung thực, nghĩa là, nguồn lợi thu về phải theo lẽ tự nhiên, đừng bao giờ vì lợi mà làm điều xằng bậy hoặc phiêu lưu mạo hiểm. Trong kinh doanh nếu chỉ chăm lợi cho mình mà hại người thì con cháu mặt vận. Đạo trời ban phúc cho người thiện, trừng phạt kẻ gian tà.

Đứng trước của cải đối với người đời vẫn phải răn bảo, răn người lấy của không thuộc quyền mình, răn người thấy lợi mà quên điều nghĩa.

Người nghèo phải chọn nghề cần thận, không vì nghèo mà chứa sòng bạc, không nên vì buôn bán dối chác mà làm lẫn của giả để lừa người khác.

...

Đạo đức cho nữ giới: nho sĩ không nêu thành hệ thống lý thuyết đạo đức mà thể hiện bằng cách dựng thơ, ca, tục ngữ có sẵn hoặc sáng tác văn thơ nhằm tác động trực tiếp đến các đối tượng. Họ sáng tác huấn ca như *Tinh quốc hồn ca*, *Đạy con...* (Phan Chu Trinh), *Tân nữ huấn ca* (Nguyễn Hữu Cầu), *Nữ quốc dân tu tri* (Phan Bội Châu), *Bài ca cứu quốc* (Huỳnh Thúc Kháng)... Ngoài những lời gia huấn, giáo dục lòng yêu nước, yêu giống nòi, họ còn thể hiện tư tưởng bình đẳng, bình quyền, chuẩn mực tu dưỡng cho thanh niên thời đại mới và cho phụ nữ, một đối tượng vốn bị coi thường trong tư tưởng Nho giáo phong kiến.

Chúng tôi lấy một dẫn chứng từ *Tân*

nữ huấn ca của Nguyễn Hữu Cầu. Ông kêu gọi phụ nữ hãy tỉnh táo nhận thức về thời đại tôn trọng nữ quyền, phụ nữ cần phải học cái mới trong khi phải giữ được cái hay của dân tộc, học đối nhân xử thế trong đó ngoài đối với người trong nhà còn có chuẩn mực đối xử với đất nước, với nhân dân. Nguyễn Hữu Cầu còn lưu tâm nhắc nhở phụ nữ cả những việc thuộc về “thiên chức” như nuôi con, dạy con, chi tiêu, lễ bái không mê tín, chăm thể dục, đặc biệt là trong thời đại mới phụ nữ phải học lấy một nghề mưu sinh...

“Cuộc đời gặp buổi giao thông,
Nữ quyền hai chữ vang trong hoàn cầu
(...)Cốt sao quốc tụy bảo tuyên,
Trau thêm học mới làm nền duy tân.
(...)Nhất là học vấn tinh thông
Hai là nghề khéo ở trong tay mình.
(...)Muốn cho không yếu không hèn
Về phần thân thể phải nghiên vệ sinh
(...)Đến như lễ bái quỷ thần
Dù Gia, dù Thích cốt phần tự tu
Chẳng nên mê tín theo đời
Dã man đến thế, thật nòi dã man”
(Chương Thâu, Hồ Anh Hải biên soạn, 2007, tr.226-235).

Nguyễn Hữu Cầu đã vượt qua được luân lý lạc hậu của Nho giáo khi ông khẳng định:

“Buổi đầu kén chọn lầm sai,
Phải người cờ bạc đông dài khôn ngoan
Hoặc người vô nghĩa bất nhân
Kíp nên kiểm chốn rời chân ngoài vòng.
(...)Phải nhà bắt nhật bắt khoan
Quá đường cay nghiệt sẽ bàn ở riêng
(...)Có con đứng vậy nuôi con
Hiếm hoi bước nữa ai còn cấm ai”
(Chương Thâu, Hồ Anh Hải biên soạn, 2007, tr.226-235).

Có thể nói, quá trình đổi mới tư tưởng đạo đức của nho sĩ cũng tương ứng với các giai đoạn hoạt động duy tân, hoạt động cách mạng của họ. Dù trong hoàn cảnh nào, thời thế nào, họ vẫn thực sự là một tấm gương sáng về trau dồi, tu dưỡng đạo đức.

Trên nền tảng đạo đức truyền thống, tiếp thu các yếu tố tích cực, tiến bộ của thời đại, nho sĩ đã phát triển hệ thống quan niệm đạo đức, lễ sống lên một trình độ mới, có nội dung tiến bộ hơn, nên đạo đức có bản chất là chủ nghĩa nhân đạo cao cả. Đó là lòng yêu nước, thương dân; vạch tội, lên án phong kiến, thực dân; là lý tưởng giải phóng nhân dân. Nho sĩ có niềm tin vào phẩm giá, sức mạnh của con người, từ đó họ tập trung thức tỉnh, hướng dẫn nhân dân đấu tranh giải phóng, đưa lại giá trị nhân văn đích thực: độc lập, tự do, bình đẳng, nhân ái. Tuy còn có hạn chế về thời đại và nhận thức của bản thân chưa vượt bỏ được thế giới quan Nho giáo, nhưng tư tưởng duy tân về đạo đức của các nho sĩ là dấu gạch nối đậm nét để chúng ta xây dựng một nền đạo đức con người Việt Nam mới □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, Chương Thâu sưu tầm, biên soạn, Nxb. Thuận Hoá, Huế.
2. Chương Thâu, Hồ Anh Hải biên soạn (2007), *Nguyễn Hữu Cầu chí sĩ yêu nước Đông Kinh Nghĩa Thục*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. Phan Chu Trinh (1995), *Tuyển tập*, Nguyễn Văn Dương biên soạn, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
4. Chương Thâu biên soạn (1996), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.